TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Văn Thuận

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 754/2025/TLST–HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Minh N, sinh năm 1998; Căn cước công dân số 034198003554; Địa chỉ: Khu phố Trường P, phường Long H, tỉnh Tây Ninh; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Châu Diệp Anh K, sinh năm 1995; Căn cước công dân số 072095008306; Địa chỉ: Số 153, đường Nguyễn Lương B, khu phố Trường P, phường Long H, tỉnh Tây Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Minh N trình bày: Chị và anh K chung sống như vợ chồng từ năm 2024 và không có đăng ký kết hôn. Khi chung sống thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về văn hóa, cách sống và chung sống không thể hòa hợp. Anh chị đã tìm cách khắc phục sự khác biệt nhưng không thể giải quyết. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 con chung tên Châu An Đ, sinh ngày 10/6/2025 và Châu An A, sinh ngày 10/6/2025. Khi ly hôn, chị đồng ý để anh K được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn- anh Châu Diệp Anh K: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn gia đình và con chung. Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N. Khi ly hôn, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Vấn đề tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục; những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N; không công nhận chị N và anh K là vợ chồng; Con chung giao cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ghi nhận anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị Minh N khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Châu Diệp Anh K; bị đơn có địa chỉ: Số 153, đường Nguyễn Lương B, khu phố Trường P, phường Long H, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Bùi Thị Minh N và anh Châu Diệp Anh K vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Minh N và anh Châu Diệp Anh K chung sống với nhau như vợ chồng năm 2024; không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị N và anh K không có giá trị pháp lý. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh K.

Về con chung: Chị N và anh K có 02 con chung tên Châu An Đ, sinh ngày 10/6/2025 và Châu An A, sinh ngày 10/6/2025. Khi ly hôn, chị N và anh K thống nhất để anh K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Ghi nhận anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Minh N và anh Châu Diệp Anh K.

2. Về con chung: Giao cho anh Châu Diệp Anh K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Châu An Đ, sinh ngày 10/6/2025 và Châu An A, sinh ngày 10/6/2025. Ghi nhận anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3 Tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh K không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Minh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010320 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND kv;
- THADS kv;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Kiều Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Kiều Trang

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ

Thaåm phaùn – Chuû toïa phieân toøa

Nguyễn Thị Thinh

SÔ THAÅM

Nôi nhaän:
- TAND tænh Taây Ninh**;**
- VKSND thị xã Hòa Thaønh;
- THADS thị xã Hòa Thaønh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Caùc ñöông söï;
- Löu HS,TA.